

Thực trạng chính sách giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam

Bùi Thị Mến

Khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 10/06/2021

Ngày nhận bản sửa: 16/07/2021

Ngày duyệt đăng: 26/07/2021

Tóm tắt: Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu từ thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Người nộp thuế có thu nhập từ lương, cư trú ở Việt Nam sẽ được giảm trừ gia cảnh. Từ kỳ tính thuế 2020, mức giảm trừ này được điều chỉnh tăng so với quy định trước đây. Số tiền khấu trừ tăng lên có lợi cho những người nộp thuế có thu nhập thấp hơn. Dựa trên dữ liệu thứ cấp thu thập trong các báo cáo của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, bài viết này phân tích thực tiễn quy định giảm trừ gia cảnh, kết quả cho thấy: tỷ lệ giảm trừ gia cảnh so với mức tiền lương bình quân đầu người tương đối cao trong khu vực; cơ sở điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh chưa đầy đủ, chưa cân nhắc đến các biến động có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng nộp thuế của người nộp thuế. Bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách giảm trừ đối với thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.

Từ khóa: thuế thu nhập cá nhân, thu ngân sách nhà nước, giảm trừ gia cảnh

Status of family circumstance-based deduction policy for personal income tax in Vietnam

Abstract: Personal income tax on salaries and wages makes up a large proportion of the total personal income tax revenue in Vietnam. A resident taxpayer will be allowed the family circumstance-based deduction to decrease his personal income tax. Since 2020, the tax deduction has raised compared to the previous regulation. The increased bigger deduction amounts ushered in by the policy have been particularly beneficial to lower-income taxpayers. By using the secondary data collected in the reports of Vietnam General Department of Taxation and Vietnam Ministry of Finance, this article analyzes the family circumstance-based deduction regulations, the results show that: the proportion of family circumstance-based deduction compared to the amount of average salary per capita are relatively high in the region; the basis of deduction is incomplete. This paper generates recommendations to aim to finalize the personal income tax deduction policy in Vietnam.

Keywords: personal income tax, tax revenue, family circumstance-based deduction

Bui, Thi Men

Email: menbt@hvn.edu.vn

Faculty of Finance, Banking Academy of Vietnam

1. Giới thiệu nghiên cứu

Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là sắc thuế đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trong kỳ tính thuế. Loại thuế này được áp dụng nhằm huy động nguồn lực cho Nhà nước, bên cạnh đó được Nhà nước sử dụng để điều tiết thu nhập của người nộp thuế (NNT). Trong số các loại thu nhập chịu thuế, Nhà nước thường không đánh thuế vào phần thu nhập tối thiểu trung bình xã hội dùng để tái tạo sức lao động của NNT, bao gồm phần tái tạo sức lao động của bản thân NNT và phần để nuôi dưỡng những người phụ thuộc của NNT. Trên thế giới, cơ sở của việc giảm trừ dựa trên 3 loại (Goode, R., 2010):

+ *Loại thứ nhất*: chi tiêu của dân cư được tính toán cả chi phí y tế bất thường. Cơ sở của quy định này là chi phí y tế nói chung không thể kiểm soát được và khi phát sinh trên một mức bình thường nhất định, sẽ làm giảm khả năng nộp thuế của một cá nhân so với những người khác có cùng mức thu nhập. Chẳng hạn, Chính phủ Mỹ cho phép giảm trừ các khoản chi phí y tế bất thường (khoản phát sinh dưới 10% tổng thu nhập và không được tài trợ bởi nguồn khác như bảo hiểm). Quy định tương tự cũng được áp dụng ở Đức. Tại Hà Lan, toàn bộ chi phí sẽ được khấu trừ khi vượt quá mức tối thiểu.

+ *Loại thứ hai*: Giảm trừ đóng góp tôn giáo, từ thiện, giáo dục và văn hóa. Các khoản đóng góp đủ điều kiện cho khoản khấu trừ này khác nhau giữa các quốc gia và tổng các khoản đóng góp từ thiện thường bị giới hạn ở một số phần trăm thu nhập của người đóng thuế. Ở Nhật Bản, các khoản đóng góp cho chính quyền nhà nước (các cấp), hoặc cho các tổ chức nghiên cứu khoa học được giảm trừ khỏi thu nhập chịu thuế nhưng chỉ trong trường hợp các khoản thanh toán đó vượt quá mức thấp hơn của

một tỷ lệ thu nhập nhất định hoặc một số tiền cụ thể.

+ *Loại thứ ba*: Giảm trừ không nhằm mục đích giảm bớt khó khăn cũng như không khuyến khích hỗ trợ tự nguyện cho các hoạt động xã hội mong muốn mà nhằm khuyến khích NNT có thu nhập thấp tìm kiếm sự bảo vệ bằng bảo hiểm nhân thọ, kế hoạch hưu trí và tiết kiệm tích lũy. Tại một số quốc gia, các khoản (i) đóng góp an sinh xã hội và đóng góp bắt buộc vào quỹ hưu trí tư nhân, được phép khấu trừ như Nhật Bản, Pháp, Hà Lan và Bỉ, và (ii) số tiền bảo hiểm nhân thọ có giới hạn, được khấu trừ, chẳng hạn Vương quốc Anh, Nhật Bản, Pháp và Đức. Các khoản giảm trừ cũng bao gồm số tiền tiết kiệm hạn chế được dành cho việc xây dựng nhà ở hoặc gửi tiết kiệm.

Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 Việt Nam hiện quy định 10 khoản thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm thu nhập từ tiền lương, tiền công, kinh doanh, thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, thừa kế, quà tặng, trúng thưởng, nhượng quyền thương mại... Trong đó, chính sách giảm trừ thuế bao gồm giảm trừ gia cảnh (cho NNT và người phụ thuộc của NNT), giảm trừ bảo hiểm bắt buộc, từ thiện, nhân đạo được áp dụng với duy nhất thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú tại Việt Nam; mức giảm trừ gia cảnh cao nhất 11 triệu đồng/NNT và 4,4 triệu đồng/người phụ thuộc của NNT được áp dụng từ kỳ tính thuế 2020.

2. Thực trạng chính sách giảm trừ gia cảnh khi xác định thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam

2.1. Thuế Thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay

Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH12 ở Việt Nam có hiệu lực từ

01/01/2009 đã có đóng góp nhất định trong tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN). Thu nhập chịu thuế TNCN chủ yếu là thu nhập từ tiền lương, tiền công; thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân; thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản; thuế thu nhập từ trúng thưởng; thuế thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại; thuế thu nhập từ thừa kế, quà biếu, quà tặng khác trừ bất động sản; thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản. Trong đó thu nhập từ tiền lương, tiền công chiếm tỷ trọng chủ yếu. Thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương tiền công được tính toán trên cơ sở phần thu nhập còn lại sau giảm trừ các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế như gia cảnh, từ thiện nhân đạo, bảo hiểm bắt buộc...

Thuế TNCN đối với nhóm thu nhập từ tiền lương tiền công (cá nhân cư trú ở Việt Nam)

Số liệu năm 2018 (Hình 1) phản ánh thực tế số lượng NNT ở bậc thuế cao (từ 20% trở lên) chiếm tỷ trọng không đáng kể. Trong khi đó đại bộ phận NNT thường nộp thuế đến bậc 1 hoặc bậc 2). Những người bắt đầu nộp thuế ở bậc 0 phải là người có thu nhập từ tiền lương, tiền công trên 9 triệu đồng/tháng.

Số thuế thu được đối với thu nhập tính thuế ở bậc 6, bậc 7 có tỷ trọng lớn hơn cả, chiếm hơn nửa số thuế nộp vào NSNN; trong khi chỉ có khoảng 5% NNT phải nộp đến bậc thuế này (Hình 2).

Thuế TNCN đối với các nhóm thu nhập khác (ngoại trừ thu nhập từ tiền lương, tiền công)

Có thể nhận thấy, thuế TNCN đánh trên tiền lương, tiền công vẫn chiếm hầu hết số thu NSNN từ thuế TNCN. Các nhóm thu nhập còn lại không đáng kể, chiếm 4% tổng nguồn thu này. Nói cách khác, một sự thay đổi về thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương tiền công có thể gây ảnh hưởng lớn hơn lên NSNN so với việc thay đổi phạm vi hoặc phương pháp tính thuế TNCN đối với các nhóm thu nhập còn lại.

2.2. Chính sách giảm trừ gia cảnh

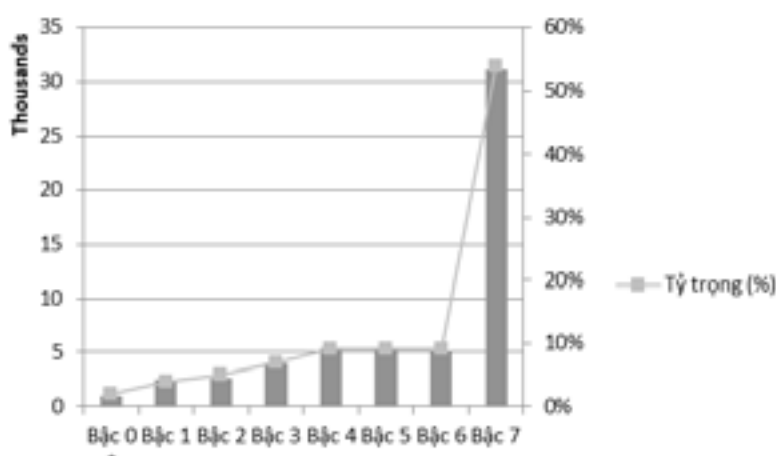
Theo Luật Thuế TNCN, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn và mục tiêu thu NSNN, nhiều thay đổi quan trọng trong chính sách thuế TNCN đã được thực hiện. Luật cũng cho phép Ủy ban thường vụ Quốc hội được quyền điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh khi tính thuế TNCN của những cá nhân thuộc diện được giảm trừ. Các khoản giảm trừ chỉ được phép áp dụng với riêng thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú mà không tính



Nguồn: Tổng Cục thuế, 2018

(* bậc 0 ứng với những NNT có thu nhập tính thuế dưới 5 triệu đồng/tháng, thuế suất thuế TNCN 5%)

Hình 1. Tỷ trọng người nộp thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ tiền lương, tiền công năm 2018 tương ứng với các bậc thuế (*)



Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn: Tổng Cục thuế, 2018 (*bậc 0 là thu nhập tính thuế dưới 5 triệu đồng/tháng)

Hình 2. Số thuế TNCN tương ứng với từng bậc thuế

Bảng 1. Thu thuế thu nhập cá nhân chia theo từng loại thu nhập

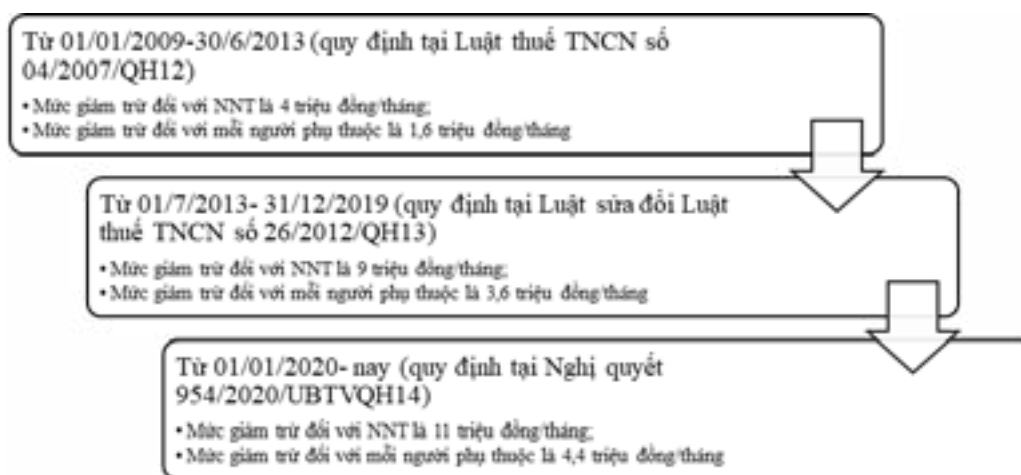
Năm 2018	Số lượng người nộp (người)	Thuế TNCN (tỷ đồng)	Tỷ trọng thu (so với tổng thu)
Thuế tính trên tiền lương, tiền công	16.631.384	57.163	96%
Thuế tính trên các khoản thu nhập còn lại	1.972.720	2.286	4%
Tổng	18.604.104	59.449	100%

Nguồn: Tổng Cục thuế, 2018

đối với các khoản thu nhập khác.

Luật Thuế TNCN số 04/2007 áp dụng từ 01/01/2009 quy định mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng. Từ 01/7/2013, mức giảm trừ được nâng lên 9 triệu đồng/tháng. Thời điểm đó, việc tăng mức giảm trừ gia cảnh làm cho quy mô động viên từ thuế TNCN so với GDP giảm từ mức 1,38% (năm 2011) xuống còn 1,35% (năm 2015). Trong khi GDP bình quân đầu người tăng 1,45 lần trong cùng thời kỳ. Sau hơn 3 năm, so với GDP bình quân đầu người, hệ số về mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế tại thời điểm năm 2016 cao hơn khoảng 2,3 lần (với trường hợp NNT có 1 người phụ thuộc), trong khi đó so với GDP bình quân đầu người, quy mô các khoản giảm trừ cho người nộp thuế và mỗi người

phụ thuộc ở các nước nhìn chung thường nhỏ hơn 1 lần. Mặt khác, nếu xem xét chỉ số CPI tại thời điểm cuối tháng 12/2019 so với thời điểm 01/7/2013 là 123,2%, tăng 23,2% (Tổng cục Thống kê, 2019) là động lực dẫn đến đề xuất nâng mức giảm trừ gia cảnh. Chính vì vậy, ngày 02/6/2020, Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã nâng mức giảm trừ gia cảnh. Theo đó, mức giảm trừ với người nộp thuế (NNT) tăng từ 9 triệu đồng lên 11 triệu đồng mỗi tháng; tương đương với từ 108 triệu lên mức 132 triệu đồng/năm, tăng thêm 24 triệu/NNT/năm. Ngoài ra mức giảm trừ với mỗi người phụ thuộc tăng từ 3,6 triệu đồng lên 4,4 triệu đồng /tháng; tương đương 43,2 triệu/năm lên 52,8 triệu/năm, tăng 9,6 triệu/người phụ



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Hình 3. Diễn biến sửa đổi mức giảm trừ gia cảnh

thuộc/năm và áp dụng từ kỳ tính thuế 2020.

3. Đánh giá việc điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân

3.1. Ảnh hưởng đối với người nộp thuế

Việc tăng mức giảm trừ gia cảnh lên sẽ bớt đi gánh nặng thuế cho người nộp, NNT ở bậc thuế cao có thể chuyển xuống bậc thuế thấp hơn và những NNT ở bậc thuế thấp có thể sẽ không phải nộp thuế TNCN (Nguyễn Minh Phong, 2020).

Theo ước tính của Tổng Cục thuế, với mức giảm trừ mới, sẽ có khoảng 1 triệu người đang phải nộp thuế TNCN ở bậc 1 sẽ không phải nộp thuế TNCN nữa. Những người có thu nhập 20 triệu đồng/tháng nếu có 2 người phụ thuộc thì số thuế TNCN phải nộp hàng tháng chỉ chiếm khoảng 0,05% thu nhập (10 nghìn đồng/tháng). Những người có thu nhập dưới 15 triệu đồng/tháng có người phụ thuộc sẽ không phải nộp thuế. Với những người có thu nhập cao hơn, phải nộp thuế trong khoảng bậc 2 trở lên sẽ rất có lợi khi số thuế TNCN phải nộp cũng sẽ giảm đáng kể do được nâng mức giảm trừ

gia cảnh lên.

Để so sánh quy định sửa đổi với quy định cũ, nghiên cứu tình huống giả định về NNT chỉ có thu nhập từ lương và có 01 người phụ thuộc.

Theo qui định cũ trong Hộp 1, NNT chỉ có thu nhập từ lương trung bình 20.000.000 đồng/tháng, có 1 người phụ thuộc, thì thuế TNCN phải nộp đến bậc 2 (mức thuế suất 10%), với số thuế phải nộp là 490.000 đồng/tháng. Theo qui định mới, NNT tương tự như trên chỉ có thu nhập từ lương trung bình 20 triệu đồng/tháng, có 1 người phụ thuộc, nhưng do mức giảm trừ gia cảnh tăng lên thì thuế TNCN chỉ phải nộp ở bậc 1 (5%), và tổng số thuế phải nộp là 230.000 đồng/tháng. Nếu cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công trung bình 20 triệu đồng/tháng và có 2 người phụ thuộc sẽ không phải nộp thuế TNCN.

Như vậy, khi phương án điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh này được áp dụng đã khiến cho những NNT có giả định tương tự như trên sẽ chuyển xuống nộp thuế ở bậc thuế thấp hơn. Nếu giả định với người có thu nhập tính thuế thấp hơn thì họ sẽ không phải nộp thuế TNCN. Nói cách khác, với những người có thu nhập cao hơn, nếu nộp

Hộp 1. Tình huống giả định về NNT chỉ có thu nhập từ lương và có 01 người phụ thuộc, giảm trừ gia cảnh

Đơn vị: đồng/tháng

Theo qui định cũ (trước năm 2020)	Theo qui định mới (từ năm 2020)
Tổng thu nhập 20.000.000 Số người phụ thuộc 1 Tổng thu nhập chịu thuế 20.000.000 Phần giảm trừ bản thân 9.000.000 Phần giảm trừ người phụ thuộc 3.600.000 Các khoản giảm trừ khác 0 Thuế TNCN phải nộp: 490.000 Trong đó: Số thuế phải nộp ở bậc 1 (5%): 250.000 Số thuế phải nộp ở bậc 2 (10%): 240.000	Tổng thu nhập 20.000.000 Số người phụ thuộc 1 Tổng thu nhập chịu thuế 20.000.000 Phần giảm trừ bản thân 11.000.000 Phần giảm trừ người phụ thuộc 4.400.000 Các khoản giảm trừ khác 0 Thuế TNCN phải nộp: 230.000 Trong đó: Số thuế phải nộp ở bậc 1 (5%): 230.000 Số thuế phải nộp ở bậc 2 (10%): 0

Nguồn: Tác giả giả định và tính toán

Bảng 2. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú tại Việt Nam tính theo mức giảm trừ cũ và mới

Đơn vị: Tỷ đồng

Bậc	Số người nộp thuế năm 2019 (tạm tính)	Số thuế TNCN năm 2019 (tạm tính)	Số thuế TNCN dự tính theo mức GTGC mới
1	3.057.050	6.561.532	5.708.533
2	800.218	9.043.971	7.868.255
3	202.210	7.234.323	6.293.861
4	2.714.935	8.526.147	7.417.748
5	50.026	7.624.277	6.633.121
6	26.104	7.154.142	6.224.104
7	37.602	33.074.578	28.774.882
Tổng	6.888.145	79.218.974	68.920.507

Nguồn: Bộ Tài chính, 2019

thuế trong khoảng bậc 2 trở đi thì số thuế TNCN phải nộp giảm đáng kể do được nâng mức giảm trừ gia cảnh. Việc giảm thuế này có thể khiến giảm thu NSNN, nhưng cá nhân NNT sẽ được lợi vì được giảm thuế.

3.2. Ảnh hưởng đối với thu ngân sách Nhà nước từ thuế thu nhập cá nhân

Việc nâng mức giảm trừ gia cảnh có thể ảnh hưởng tới việc động viên nguồn thu NSNN từ thuế TNCN.

Số thuế TNCN ước tính đến hết 31/3/2019

tính trên thu nhập từ tiền lương tiền công là xấp xỉ 79.219 tỷ đồng. Việc áp dụng mức giảm trừ 11 triệu đồng/tháng cho NNT và 4,4 triệu đồng/tháng cho mỗi người phụ thuộc của NNT ước tính giảm thu thuế TNCN xuống còn khoảng 68.921 tỷ đồng. Số thu NSNN từ thuế TNCN ước giảm khoảng 10.300 tỷ đồng/năm (tương đương giảm khoảng 13% số thu ngân sách từ thuế TNCN năm 2019) (Bộ Tài chính, 2019). Tính riêng đối với thu nhập từ tiền lương tiền công, Việt Nam hiện có khoảng trên 16,6 triệu người có thu nhập thuộc diện

chịu thuế TNCN. Trong đó trên 3,6 triệu người phải nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công từ bậc 1 trở lên, với tổng số thuế thu được năm 2018 là 57.163 tỷ đồng (Tổng Cục thuế, 2019).

Mặc dù tốc độ thu thuế TNCN được dự đoán giảm, nhưng các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế, cải thiện thu nhập của người dân và doanh nghiệp góp phần phục hồi sức tăng trưởng số thu NSNN từ thuế TNCN. Số liệu thống kê mới nhất, tính đến tháng 11/2020, tổng số thu từ thuế TNCN đạt hơn 100.413 tỷ đồng (bằng 78,06% so với dự toán năm 2020) (Thùy Linh, 2020).

3.3. Một số đánh giá chung

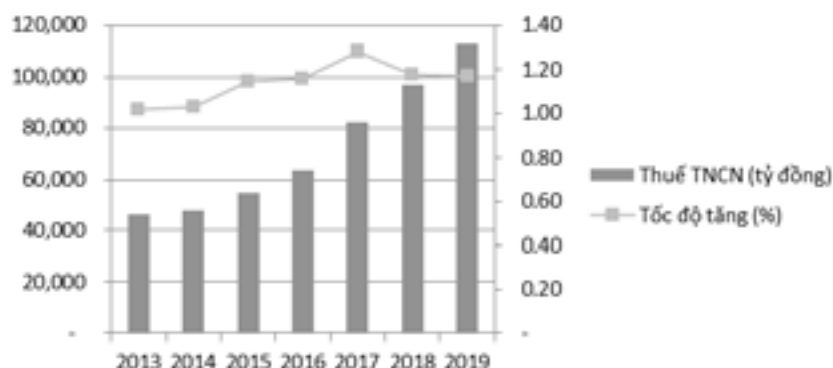
- Tỷ lệ giảm trừ gia cảnh so với mức tiền lương bình quân đầu người tương đối cao trong khu vực. Hiện nay, mức giảm trừ cho cá nhân mỗi người nộp thuế của Trung Quốc là 3.500 NDT/tháng, tương đương khoảng 0,83 lần GDP bình quân đầu người (Pwc, 2021). So với một số quốc gia trong trong khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia, Việt Nam được đánh giá là có mức giảm trừ gia cảnh cao hơn (tỷ lệ khoảng 1,7 lần GDP bình quân đầu người). So sánh với Indonesia, mức giảm trừ cho

cá nhân NNT là 15,84 triệu Rupit/năm (tương đương 1.830 USD/năm và bằng khoảng 0,527 GDP bình quân đầu người); Malaysia áp dụng mức giảm trừ là 9.000 RM/năm (tương đương 2.687 USD/năm và bằng khoảng 0,312 lần GDP bình quân đầu người năm). Tuy nhiên, do thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam còn thấp nên mức giảm trừ gia cảnh xét về số tuyệt đối còn thấp.

- Cơ sở điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh chưa đầy đủ, dựa vào thu nhập/chi tiêu chứ chưa cân nhắc đến các biến động có thể ảnh hưởng mạnh đến khả năng nộp thuế của NNT, ví dụ chi phí y tế cao. Nghiên cứu chính sách giảm trừ tại Malaysia cho thấy, việc giảm thuế thu nhập đối với NNT hoặc vợ/chồng/con cái của một người vì bệnh hiểm nghèo đã được áp dụng, mức giảm trừ lên đến 8.000 RM vào năm 2021 (tương đương khoảng 1.980 USD), bao gồm 1.000 RM (khoảng 247 USD) cho chi phí khám sức khỏe (Dezan Shira & Associates, 2021).

4. Kiến nghị và kết luận

- Nhà nước cần xem xét đầy đủ hơn các cơ sở để áp dụng các khoản giảm trừ tiêu chuẩn (standard basic deduction) cho NNT. Kinh nghiệm từ các quốc gia đã áp dụng



Nguồn: Tổng Cục thuế (2019)

Hình 4. Thu ngân sách nhà nước từ thuế thu nhập cá nhân giai đoạn 2013 - 2019

hình thức giảm trừ tiêu chuẩn cho thấy tính toán đơn giản, tiết kiệm chi phí hành chính hơn, tạo thuận lợi cho NNT tuân thủ pháp luật hơn. Bởi vì, việc khấu trừ tiêu chuẩn hiểu đơn giản là một quy trình tự động, không yêu cầu NNT phải tốn thời gian hay chi phí để theo dõi. Do đó, nó giúp NNT tiết kiệm thời gian, công sức trong việc kê khai thuế hay cung cấp minh chứng. Tại Trung Quốc áp dụng mức giảm trừ 60.000 CNY (tương đương 931 USD) mỗi năm (Pwc, 2021). Ngoài ra, các khoản khấu trừ bổ sung bao gồm: Giáo dục trẻ em, chi phí thuê nhà, chăm sóc người cao tuổi, chi phí y tế lớn cũng được áp dụng với NNT đủ điều kiện được giảm trừ.

- Luật Thuế TNCN cần quy định chặt chẽ

về người phụ thuộc của NNT. Tiêu chí xác định người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh hiện nay chưa rõ ràng. Ví dụ, con ngoài giá thú được tính là người phụ thuộc nhưng con riêng của vợ, chồng lại không quy định (Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC), con đi học muộn, con lưu ban, con đang chờ đi thi đại học cũng không được quy định rõ ràng, gây khó khăn trong thực thi luật. Các vấn đề này cần phải được sửa đổi và thể hiện rõ trong Luật thuế TNCN. Bên cạnh đó cần có sự kết hợp với các cơ quan khác như quản lý lưu trú, bảo hiểm xã hội để quản lý hiệu quả người phụ thuộc ■

Tài liệu tham khảo

- Amir, H., Asafu-Adjaye, J., & Ducpham, T. (2013). *The impact of the Indonesian income tax reform: A CGE analysis. Economic Modelling*, 31, 492-501.
- Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 111/2013/TT-BTC* ngày 15/8/2013, hướng dẫn Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Bộ Tài chính (2019), *Báo cáo đánh giá tác động đề nghị điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN*.
- Dezan Shira & Associates (2021), *Individual Income Tax Amendments in Malaysia for 2021*. <https://www.aseanbriefing.com/news/individual-income-tax-amendments-in-malaysia-for-2021>
- Goode, R. (2010). *Government finance in developing countries*. Brookings Institution Press.
- <https://haiquanonline.com.vn/thu-thue-thu-nhap-ca-nhan-dang-giam-toc-137827.html>
- Ibrahim, I. B. (2013), *Electronic filing of personal income tax returns in Malaysia: determinants and compliance costs* (Doctoral dissertation, Curtin University).
- Nguyễn Minh Phong (2020), *Thông điệp từ điều chỉnh thuế Thu nhập cá nhân*. <https://nhandan.vn/nhan-dinh/thong-diep-tu-dieu-chinh-thue-thu-nhap-ca-nhan-457126/>
- Nguyễn Thị Minh và cộng sự (2015), “*Phản ứng trong hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu hộ gia đình Việt Nam khi có cú sốc vĩ mô về thu nhập*”.
- Pwc (2021), *China, People's Republic of Individual – Deductions*. <https://taxsummaries.pwc.com/peoples-republic-of-china/individual/deductions>.
- Quốc hội (2007), *Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12* ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.
- Quốc hội (2012) *Luật số 26/2012/QH13* ngày 22/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013.
- Quốc hội (2014), *Luật số 71/2014/QH13* ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Thùy Linh (2020), *Thu thuế thu nhập cá nhân đang “giảm tốc”*.
- Tổng Cục thuế (2018), *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2018*.
- Tổng Cục thuế (2019), *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2019*.
- Ủy ban thường vụ Quốc hội (2020), *Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14* ngày 2/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế Thu nhập cá nhân.
- VEPR (2019), *Đánh giá tác động của tăng thuế giá trị gia tăng đến tổng thể nền kinh tế và phúc lợi hộ gia đình, 2019, sách chuyên khảo*.